TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập -Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 275 /2024/DS-PT
Ngày 30/5/2024
V/v: "Tranh chấp Quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận QSDĐ và yêu cầu chia di sản thừa kế".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Tiến;

Các Thẩm phán: Ông Ong Thân Thắng;

Ông Nguyễn Nam Thành.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hà Trang, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Bùi Minh Nghĩa - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 19/2024/TLPT-DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về việc "*Tranh chấp Quyền sử dụng đất, yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu chia di sản thừa kế"*, do có kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập đối với Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Phạm Thị H** - sinh năm 1972. Nơi ĐKHKTT: Tổ 04, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H: Ông Nguyễn Đức M - sinh năm 1994. Địa chỉ: Công ty L1; tầng 6, Tòa nhà N, Lỗ CC2 Khu đô thị M, Y, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Lý Đình T** - sinh năm 1953. Có mặt.

Nơi ĐKHKTT: số nhà I, tầng 2, khu tập thể L, số A M, quận H, thành phố Hà Nội.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông T: Luật sư Dương Đức T1 - Công ty L2, Đoàn Luật sư thành phố H. Có mặt.

Địa chỉ: HH2 Tòa nhà B, số A đường T, quận N, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập:

Ông Lý Đình H1, sinh năm 1967; Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông H1: Ông Nguyễn Đức M - sinh năm 1994. Có mặt.

Địa chỉ: Công ty L1; tầng 6, Tòa nhà N, Lỗ CC2 Khu đô thị M, Y, phường V, quận H, thành phố Hà Nội.

4. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác:

4.1. UBND huyện Ứ, thành phố Hà Nội. Trụ sở: số A đường L, thị trấn V, Ứ, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tiến T2 - Chủ tịch UBND huyện Ứ. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Dương Tuấn A - Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ứ. Xin vắng mặt.

4.2. Bà Lý Thị H2, sinh năm 1959; Nơi ĐKHKTT: Tổ A, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

4.3. Bà Lý Thị T3, sinh năm 1964; Nơi ĐKHKTT: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

4.4. Bà Lý Thị L, sinh năm 1961; Nơi ĐKHKTT: bờ sông, thôn T, thị trấn V, huyện Ứ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Chỗ ở hiện nay: thôn A, xã H, huyện M, TP Hà Nội.

4.5. Bà Lý Thị T4, sinh năm 1952; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: thôn X, xã Q, huyện Ứ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4.6. Bà Lý Thị H3, sinh năm 1971; Nơi ĐKHKTT: thôn X, xã Q, huyện Ứ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4.7. Bà Lý Thị B, sinh năm 1962; Vắng mặt.

Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1958. Vắng mặt.

Đều có HKTT: thôn X, xã Q, huyện Ư, TP Hà Nội.

4.8. Anh Lý Đình T5, sinh năm 1984; Có mặt.

Bà Lý Thị H4, sinh năm 1955. Vắng mặt.

Đều có HKTT: số nhà I, tầng 2, khu tập thể L, số A M, quận H, thành phố Hà Nội.

4.9. Anh Lý Quốc B1, sinh năm 1978; Nơi ĐKHKTT: số C ngách I P, phường K, quận Đ, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

4.10. Anh Lý Hoài N, sinh năm 1982; Nơi ĐKHKTT: số H, ngõ G, tổ dân phố I, Ngô Thì S, phường V, quận H, thành phố Hà Nội. Vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà H4, anh T5, anh B1 và anh N là ông Lý Đình T. Có mặt.

4.11. Anh Lý Đình D1, sinh năm 1991; Vắng mặt.

Anh Lý Đình D2, sinh năm 1993; Vắng mặt.

Chị Lý Phương A1, sinh năm 2004; Vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp cho chị Phương A2 là ông Lý Đình H1 – sinh năm 1967 và bà Phạm Thị H - sinh năm 1972. Đều HKTT: tổ D, ấp A, xã P, huyện L, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt

Người đại diện theo uỷ quyền của anh D1, anh D2 và chị Phương A2 là: Bà Phạm Thị H. Bà Phạm Thị H và ông Lý Đình H1 đã có văn bản uỷ quyền cho ông Nguyễn Đức M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện, và các ý kiến trình bày tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị H (những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lý Đình H1, anh Lý Đình D1, anh Lý Đình D2 và chị Lý Phương A1 đều ủy quyền cho bà H) trình bày:***

Bố mẹ ông H1 (chồng bà H) là cụ Lý Đình H5 (chết cuối năm 2003); và bà Nguyễn Thị Q (chết năm 2006). Bố mẹ ông H1 sinh được 07 người con, cụ thể: Bà Lý Thị T4, ông Lý Đình T, bà Lý Thị H2, bà Lý Thị L, bà Lý Thị T3, ông Lý Đình H1, bà Lý Thị H3.

Cụ H5 và cụ Q chết không để lại di chúc, có di sản là 02 thửa đất nhưng bà H chỉ tranh chấp với thửa đất sau: Thửa đất nằm cạnh quốc lộ B (trước đây là đường 22) có mặt tiền là phía Tây giáp Quốc lộ B có số đo khoảng 15,5m. Vào ngày 15/01/2000, cụ H5 viết Giấy tờ tặng cho đất với tiêu đề "Đơn Đề Nghị"; nội dung cho bà Lý Thị H2 phần đất theo dọc đường 21B, có chiều là 5m mặt đường chạy dài hết đất. Phần còn lại là bao nhiêu thì cho chồng bà là ông Lý Đình H1. "Đơn đề nghị" trên có xác nhận của cán bộ địa chính xã là ông Nguyễn Hữu C; xác nhận của Đại diện UBND xã Q Cầu là ông Nguyễn Trung Q1- Chủ tịch. "Đơn đề nghị" này được lập thành 02 bản, vợ chồng bà H giữ một bản, bà H2 giữ 01 bản. Thời điểm ông H1 được bố mẹ cho, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do cụ H5, cụ Q xây dựng. Vợ chồng bà H và các cụ cùng sinh sống trên đó cho đến khi các cụ đều chết trên phần đất đã cho ông H1.

Căn cứ vào bản "Đơn đề nghị" các cụ lập ngày 15/01/2000 nêu trên cơ quan Nhà nước đã cấp GCNQSD đất số BU 731276 ngày 24/6/2014 đối với thửa số 36, tờ bản đồ 09, diện tích 147,7m^2 cho vợ chồng bà H. Phần thửa đất này vợ chồng bà đã bán lại cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1958 bà Nguyễn Thị

B2, sinh năm 1963 đều trú thôn X, xã Q, huyện Ứ, TP .. Hiện nay, vợ chồng ông D bà B2 đã làm xưởng bán vật liệu xây dựng. Ông D bà B2 chưa làm thủ tục sang tên trước bạ.

Vợ chồng bà H được biết khi cụ Q hấp hối sắp chết ông T tự viết hoặc nhờ ai đó viết tờ giấy phân chia đất với nội dung: "*mẹ chồng bà - cụ Nguyễn Thị Q thống nhất chia khổ đất 215m^2, phía Tây giáp mặt đường 22 là 15,50m, phía Nam là 14m, phía Đông là 15,50m, phía Bắc là 14m. Nay cụ phân quyền sử dụng đất cho 02 con Lý Đình H1 phía Tây mặt đường 22 là 10m, phía Nam là 14m, phía Bắc là 14m, phía Đông là 10m và Lý Đình T phía Tây mặt đường 22 là 5,50m; phía Nam là 14m, phía Bắc là 14m, phía Đông là 5,50m*". Trong giấy phân chia đất của cụ Q nêu trên có chữ ký của ông Lý Đình T, bà Lý Thu H6, anh Lý Đình B3, ông Lý Đình H1, và có điểm chỉ dấu vân tay của cụ Q. Theo bà H được biết khi cụ Q hấp hối, ông T đã tự ý cầm tay cụ Q điểm chỉ vào tờ giấy phân chia đất nêu trên. Khi đó cụ Q không còn minh mẫn, không biết gì nữa. Vợ chồng bà H và bà H6 cũng không có mặt ở nhà nên không thể ký vào tờ giấy này được. Việc ông T cầm tay cụ Q dí điểm chỉ vào giấy phân chia đất có cô ruột chồng bà- cụ Lý Thị T6, trú tại thôn Q, xã Q và cụ Lý Thị S1, trú tại thôn X làm chứng.

Sau đó bà H thấy ông T có đưa ra *"*Giấy bàn giao" ngày 26/8/2005 với nội dung bà Lý Thị H2 bàn giao lại 70m^2 đất (các cụ chia cho bà H2 trước đây vào năm 2000) cho cụ Nguyễn Thị Q toàn quyền sử dụng, giấy này chỉ có chữ ký của bà Lý Thị H2. Nhưng Thực tế, bà H2 đã bàn giao trả các cụ từ năm 2003 và vợ chồng bà H đã mua lại phần đất của bà H2. Bà H cho rằng, nếu ngày 26/8/2005 bà H2 bàn giao lại đất cho cụ Q là thật thì bản "Đơn đề nghị" bà H2 được giữ trước đây sau khi chuyển cho cụ Q, sẽ lại chuyển cho ông T giữ mới đúng. Nhưng thực tế là vợ chồng bà H được giữ cả 2 bản "Đơn đề nghị" vì đã mua lại 70m^2 đất bà H2 trả lại từ năm 2003. Mặt khác, thửa đất thứ hai các cụ đã chia cho ông H1 145m^2 đất nên cụ Q không thể chia lại toàn bộ thửa đất đó được. Nếu có thì cụ Q chỉ có quyền phân chia 70m^2 mà bà H2 bàn giao trả cụ Q thôi.

Bà H với tư cách đại diện theo ủy quyền cho ông Lý Đình H1 có yêu cầu độc lập: phần đất hiện nay gia đình ông T đang quản lý sử dụng theo biên bản định giá ngày 08/01/2021 có diện tích là 72,6m^2 là tài sản chung của các cụ để lại không có di chúc, chưa phân chia. Nên đề nghị Tòa án chia phần di sản đó theo pháp luật. Đồng thời đề nghị Tòa án tuyên hủy GCNQSD đất số BU 731348 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09, diện tích 77,5m^2 do UBND huyện Ứ cấp ngày 24/6/2014 cho ông Lý Đình T.

Về "Giấy phân chia" do cụ Q viết phân chia đất cho ông H1 và ông T ngày

27/8/2005 do ông T xuất trình, ông H1 thừa nhận chữ ký Lý Đình H1 trong đó là do ông H1 tự tay ký nhưng ông H1 cũng không để ý và không biết nội dung tờ giấy đó là gì.

Về phần chữ ký "LĐH" trong tờ "Mô tả chi tiết mốc giới, ranh giới thửa đất" (bút lục số 171) và "LĐH Lý Đình H1" trong tờ "Mô tả chi tiết mốc giới, ranh giới thửa đất" (bút lục số 151) cũng như các chữ ký khác có trong hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 35 và thửa đất số 36 hiện đang lưu giữ tại Văn phòng Đ chi nhánh H9 đúng là chữ ký của ông H1, nên bà H không có ý kiến gì về việc này.

Bà H tự nguyện chịu phần chi phí định giá và không có yêu cầu gì khác.

**** Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, Bị đơn- ông Lý Đình T (những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị H4, anh Lý Đình T5, anh Lý Quốc B1 và anh Lý Hoài N đều ủy quyền cho ông T) trình bày:***

Thống nhất với nguyên đơn về hàng thừa kế, các thửa đất tranh chấp có nguồn gốc của cụ Q và cụ H5

Ông T thừa nhận tính xác thực của "Đơn đề nghị" bà H nêu trên, ông không có ý kiến gì.

Ông H1 khẳng định bà H2 có viết giấy bàn giao ngày 26/8/2005 có nội dung *"năm 2000 chị H2 được bố mẹ phân chia cho mảnh đất có chiều mặt đường là 5m mặt đường 22 hướng Tây ... nay không có nhu cầu sử dụng nữa nên làm giấy này bàn giao lại cho mẹ tôi là bà Nguyễn Thị Q được toàn quyền sử dụng ..."*. Ông H1 không biết việc bà H2 có bàn giao lại tờ giấy "Đơn đề nghị" có nội dung phân chia đất ngày 15/01/2000 của cụ H5, cho cụ Q hay không.

Ngay sau ngày bà H2 viết giấy bàn giao đất lại cho cụ Q. Ngày 27/8/2005 là ngày giỗ cụ H5; anh chị em có về nhà cúng giỗ bố; cụ Q vẫn khỏe mạnh, minh mẫn, tỉnh táo làm giỗ chồng cùng các con. Lúc này cụ Q có viết giấy phân chia đất có nội dung *"chia khổ đất 215m^2 phía Tây giáp đường 22 là 15,50m; phía Nam là 14m; phía Đông là 15,50m; phía Bắc là 14m; Nay bà phân chia quyền sử dụng cho hai con: ông Lý Đình H1 phía tây mặt đường B là 10m, ..., ông Lý Đình T phía tây mặt đường là 5,50m..."*; Giấy phân chia đất có điểm chỉ tay của cụ Q, có đầy đủ sự chứng kiến và chữ ký của ông Lý Đình T, Lý Đình H1, Lý Thị H2 và Lý Đình B3- là em con nhà chú ruột ông làm chứng. Giấy phân chia đất của cụ Q được ông Trần Văn M1 là trưởng thôn X- Q Cầu lúc bấy giờ xác nhận. Tuy nhiên do thiếu hiểu biết về pháp luật nên gia đình ông T không mang giấy phân chia đất của cụ Q đi chứng thực, công chứng ở cơ quan có thẩm quyền. Ông T

cho rằng đây là di chúc của cụ Q để lại trước khi chết. Giấy phân chia đất này do anh Lý Hoài N- con trai ông T tự tay viết. Cụ Q- mẹ đẻ ông không biết chữ nên sau khi viết xong anh N có đọc lại cho cụ nghe và cụ tự tay điểm chỉ vào Giấy phân chia đất đó. Những người khác cũng ký. Tuy nhiên mãi đến ngày 03/7/2006 ông T mới mang Giấy phân chia đất này xin xác nhận của ông Trần Văn M1 là trưởng thôn thời bấy giờ. Thực tế ông M1 không chứng kiến sự việc diễn ra ngày 27/8/2005 liên quan đến Giấy phân chia đất của mẹ ông và ông M1 cũng không chứng kiến các bên có tên trong Giấy phân chia đất ký kết vào. Nay bà Lý Thu H6 (hay còn gọi là Lý Thị H2) là em gái ông T có chứng kiến sự việc đó nhưng từ chối làm chứng ông T cũng không có ý kiến gì. Ông T không có bất cứ giấy tờ, tài liệu nào có lưu giữ dấu điểm chỉ vân tay của mẹ ông để giao nộp cho Tòa làm thủ tục giám định dấu vân tay. Theo ông T được biết ở chính quyền địa phương cũng không lưu giữ dấu vân tay vì mẹ ông không biết chữ nên rất ít đi tham gia các giao dịch, chủ yếu là bố ông.

Khoảng năm 2006 mẹ ông T bị ốm thì ông về xây dựng 01 gian nhà cấp 4 lợp mái tôn trên phần diện tích đất ông được chia (chính là 70m^2 mà bà H đang khởi kiện yêu cầu ông trả lại). Khi xây dựng ông T có đập phá bỏ đi các công trình xây dựng trước đó trên đất gồm có chuồng lợn, giếng, tường rào ... Trong suốt thời gian ông T xây dựng nhà trên phần đất được chia vợ chồng H1 H biết việc đó và không có ý kiến gì. Khi ông T xây nhà, bên cạnh nhà có phần đất trống chính là quán bán hàng của em gái ông- Lý Thị H3 đang sử dụng bán hàng mưu sinh cuộc sống. Vì không muốn phá gian hàng đó đi nên ông T chỉ xây nhà trên phần đất có chiều dài mặt đường quốc lộ 22 là 4,8m. Thực tế phần đất ông được mẹ ông phân chia cho còn phần đất trống đó có chiều mặt đường 22 (nay là quốc lộ B) là 70cm. Mục đích của ông xây nhà là để đón cụ Q về đó ở. Nhưng do cụ bị ốm nặng và theo nguyện vọng của cụ nên ông T vẫn để cụ ở căn nhà cũ do các cụ cùng anh chị em ông T xây nên (nằm trên phần đất ông H1 được chia cho). Khi đó vợ ông T cùng vợ ông H1 và các em gái ở gần đó thay phiên nhau chăm sóc mẹ. Xây nhà xong gia đình ông vẫn làm việc ngoài Hà Nội nên nhà xây lên chỉ để gia đình ông đi về hương khói, thắp hương cho bố mẹ và các cụ. Đến năm 2013 vợ chồng ông T mới chuyển về ở trên căn nhà trên và cho đến năm 2016 vợ chồng ông lại chuyển ra ngoài Minh Khai ở, ông khóa nhà, đến ngày tuần tiết thì về hương khói.

Đến năm 2013, xã bắt đầu làm thủ tục cấp sổ đỏ, khi kê khai để cấp sổ đỏ ông T có kê khai theo giấy tờ phân chia đất của cụ Q. Tuy nhiên khi UBND xã mời ông T về lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì Giấy chứng nhận lại cấp thiếu diện tích đất của ông. Vì thấy diện tích trong Giấy chứng nhận không đúng

nên ông có ý kiến với xã và cho đến nay ông vẫn chưa về xã nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông.

Sau này, phần đất ông H1 được phân chia đã được cấp sổ đỏ bao gồm cả một phần đất của ông có chiều dài mặt đường quốc lộ 21B là 0,7m (theo biên bản định giá có diện tích 8,36m^2), cụ thể: thửa số 36, tờ bản đồ 09, diện tích 147,7m^2 cho ông Lý Đình H1. Phần thửa đất này ông H1 đã bán lại cho vợ chồng ông Nguyễn Tiến D, bà Nguyễn Thị B2. Hiện nay, vợ chồng ông D bà B2 đã làm xưởng bán vật liệu xây dựng.

Vào thời điểm năm 2006 khi ông T xây nhà cấp 4 trên diện tích được phân chia thì vợ chồng Hùng H7 có làm đơn đến UBND xã Q Cầu yêu cầu gia đình ông trả lại đất cho Hùng H7; yêu cầu gia đình ông dừng thi công. Sau đó UBND xã tiến hành mời các bên lên hòa giải, sau khi hòa giải vợ chồng Hùng H7 thừa nhận phần đất đó là của ông được bố mẹ ông phân chia nên UBND xã lại để gia đình ông tiếp tục xây dựng nhà cấp 4 như hiện nay. Sau đó vợ chồng Huyền H8 cũng không có ý kiến gì khác. Đến năm 2014 vợ chồng Hùng H7 về bán phần đất được chia cho vợ chồng D Bốn là người cùng làng thì lại phát sinh tranh chấp. Lúc này việc sang tên trước bạ chuyển nhượng giữa nhà Hùng H7 và Dân B4 không thực hiện được nên bà H7 lại làm đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Ứng Hòa yêu cầu ông phải trả lại 70m^2 đất cho bà H7 vì bà H7 cho rằng phần đất đó bố ông-Lý Đình H5 đã bán cho vợ chồng Hùng H7. Ông T xác định đất đó các cụ đã phân chia cho ông, nên không đồng ý với yêu cầu của bà H7, ông H8.

Ông T có yêu cầu: Tòa án xem xét hủy bỏ GCNQSD đất đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 9 đứng tên ông Lý Đình H1 nêu trên và xét xử đảm bảo quyền lợi cho gia đình ông. Vì giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông H1 đã cấp trùm lên phần đất ông T được các cụ cho.

**** Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – UBND huyện Ứ trình bày:***

Căn cứ vào hồ sơ cấp GCNQSDĐ do UBND xã Q luân chuyển đến, phòng T7 kiểm tra hồ sơ và thực hiện các công việc quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 32 Quyết định số 13/2013/QĐ-UBND ngày 24/4/2013 của UBND thành phố H về việc ban hành quy định về cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất; đăng ký biến động về sử dụng đất, sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân nước ngoài trên địa bàn thành phố Hà Nội. Đề nghị Tòa án giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

**** Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người***

có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Lý Thị H2, bà Lý Thị T4 đều trình bày:

Bà H2, bà T4 không có liên quan gì đến vụ án tranh chấp giữa vợ chồng ông H1 và ông T mà Tòa án đang giải quyết. Mọi vấn đề liên quan đến vụ án bà không biết gì. Bà không có bất cứ thông tin hay tài liệu gì để cung cấp hay giao nộp cho Tòa án. Bà không liên quan, bà xin từ chối mọi quyền lợi nếu bà được hưởng trong vụ án. Bà không có ý kiến gì khác và cũng không khai báo gì khác.

**** Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- bà Lý Thị T3 trình bày:***

Theo bà được biết, phần đất đang tranh chấp trong vụ án, trước đây các cụ cho bà Lý Thị H2. Sau này về thực tế bà H2 không nhận, trả lại cụ H5, cụ Q. Cụ Q, cụ H5 cũng không bán lại cho vợ chồng H1- H7 hay phân chia cho vợ chồng ông T. Về giải quyết vụ án, theo bà phần đất ông T đang quản lý sử dụng mà tranh chấp trong vụ án đề nghị để lại thờ cúng các cụ, còn phần khe lọt giữa phần đất ông H1 và ông T đang tranh chấp khoảng 70 phân đề nghị trả lại cho ông H1. Bà không có liên quan gì đến vụ án, bà cũng không có chứng cứ gì để giao nộp cho Tòa án. Về phần quyền lợi của bà được hưởng nếu có trong vụ án bà xin từ chối nhận.

**** Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- bà Lý Thị L trình bày:***

Trước khi chết, cụ H5 có chia cho ông T khu đất trong làng, còn chia cho ông H1 khu đất mặt đường quốc lộ 21B. Riêng khu đất mặt đường quốc lộ 21B, bố mẹ bà chia làm 2 phần: 1 phần diện tích lớn hơn chia cho ông H1 (hiện nay ông H1 đã bán cho người khác), 1 phần diện tích nhỏ hơn (là phần hiện nay đang tranh chấp trong vụ án) chia cho bà Lý Thị H2. Việc bố mẹ bà chia đất cho các con như trên đều có giấy tờ để lại, hiện do ai giữ bà không biết. Phần của bà H2 được chia sau này bà H2 không có nhu cầu sử dụng nên có làm giấy bán lại cho vợ chồng ông H1. Nhưng theo bà được nghe nói lại thì khi xuống xã làm giấy tờ chuyển đổi thì lại không làm nữa. Sau đó bà H2 và mấy chị em gái thống nhất lại phần đất của bà H2 để lại cho ông T sau này cho con trai lớn của ông T để làm nơi thờ cúng. Tuy nhiên, bà L không có chứng cứ gì chứng minh cho ý kiến về việc các chị em bàn nhau cho đất ông T, cũng không lý giải gì về việc trong biên bản cụ Q phân chia không có chữ ký của các bà con gái.

Quan điểm bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà không có liên quan gì và cũng không có quyền lợi gì nữa. Trường hợp Tòa án giải quyết có phần quyền lợi của bà theo quy định pháp luật thì bà xin được từ bỏ quyền lợi đó.

**** Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- bà Lý Thị H3 trình bày:***

Về việc tranh chấp giữa ông H1 và ông T, bản thân bà là người ở giữa không biết nói gì, chỉ mong Tòa án giải quyết làm sao giữ được tình cảm gia đình. Bà không biết gì và cũng không có thông tin gì để cung cấp cho Tòa án. Bà xin từ chối mọi quyền lợi của bà nếu được hưởng.

**** Tại biên bản lấy lời khai và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan- vợ chồng ông Nguyễn Tiến D, bà Lý Thị B trình bày:***

Liên quan đến thửa đất hiện đang tranh chấp giữa ông Lý Đình H1 và ông Lý Đình T ở X - Q - Ứ, hiện nay vợ chồng ông bà đang thuê mặt bằng thửa đất của vợ chồng anh H1 chị H7 để làm cửa hàng bán đồ sắt thép. Ông bà thuê từ năm 2015, khi đó chưa có tranh chấp giữa ông H1 và ông T. Khi thuê giữa các bên cũng vì tin tưởng nhau nên không lập giấy tờ gì, chỉ nói miệng với nhau cùng thỏa thuận giá tiền thuê nhà là 1.500.000đồng/tháng, thời hạn thuê đến khi nào ông H1 bà H7 cần lấy lại sẽ thông báo trước để vợ chồng ông bà thu dọn mặt bằng trả lại vợ chồng ông bà Hùng H7. Ông bà chỉ thuê đất trống, mọi công trình xây dựng trên đất như hiện nay đều là do ông bà dựng lên. Nay vợ chồng ông bà được biết giữa ông H1 và ông T có tranh chấp liên quan đến thửa đất mà vợ chồng ông bà đang thuê của ông bà Hùng H7. Quan điểm của ông bà: ông bà chỉ là bên đi thuê đất để kinh doanh, ông bà không liên quan gì đến việc tranh chấp đất đai giữa ông H1 với ông T. Ông bà chỉ đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật để bảo đảm quyền lợi cho tất cả các bên.

**** Tại biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, người làm chứng- ông Lý Đình B3 trình bày:***

Về mối quan hệ: ông là con chú ruột của ông T và ông H1. Ông gọi ông H1 và ông T bằng anh. Liên quan đến Giấy phân chia đất ngày 27/8/2005 của cụ Nguyễn Thị Q phân chia đất cho ông H1 và ông T, ông xin trình bày như sau: ngày 27/8/2005 ông có mặt và chứng kiến từ đầu đến cuối sự việc anh Lý Hoài N là con trai ông Thảo c bút viết Giấy phân chia theo nội dung cụ Q đọc cho anh N viết với sự chứng kiến của ông, ông T, ông H1 và bà H2 là người có đất được chia nhưng không nhận trả lại cho cụ Q. Sau khi anh N viết biên bản xong có đọc lại cho tất cả mọi người có mặt nghe lại nội dung và mọi người nhất trí cùng ký tên phía dưới Giấy phân chia đất. Tuy nhiên, do cụ Q không biết chữ nên cụ Q điểm chỉ. Cụ Q tự điểm chỉ chứ không có ai cầm tay cụ Q để điểm chỉ. Tại thời điểm lập giấy và điểm chỉ, cụ Q vẫn khỏe mạnh, tinh thần minh mẫn, không bị ai lừa

dối hay ép buộc gì. Sau khi viết giấy xong bản thân ông còn tham gia cùng mọi người cầm thước căng dây để phân chia tại thửa đất cho ông H1 và ông T. Còn việc sau đó Giấy phân chia đất này được ai mang đi gặp ông Trần Văn M1- trưởng thôn Xà Cầu thời bấy giờ xin xác nhận thì ông không biết. Ngày 27/8/2005 ông M1 không có mặt chứng kiến sự việc phân chia đất nêu trên. Ông cũng không có giấy tờ tài liệu gì để giao nộp cho Toà, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án: giữa bà H7, ông H1 và ông T cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ủy quyền cho bà H7 và ông T tham gia tố tụng đều tự nguyện thỏa thuận và thống nhất được các nội dung sau:

- Về phần thửa đất thứ nhất của cụ H5 và cụ Q để lại (phía trong làng) đã phân chia cho ông T; cả ông T cùng thành viên gia đình và bà H7 cùng thành viên gia đình đều không có ý kiến gì;

- Về phần diện tích đất mà hiện nay vợ chồng ông H1 bà H7 được cụ H5 phân chia đã bán lại cho nhà Dân B4 *(hiện nay nhà Dân B4 đã xây dựng xưởng trên đất, trừ phần khe đất trống có diện tích 8,36m^2 giữa thửa đất 35 và 36 theo nội dung Biên bản định giá có trong hồ sơ vụ án)* cả ông T cùng thành viên gia đình và bà H7 cùng thành viên gia đình đều xác nhận phần đất nhà Dân B4 đã xây dựng xưởng là của vợ chồng Hùng H7, đều không có ý kiến gì (ông H1 bà H7 thì cho rằng 8,36 m2 đất trống đã được ghi nhận trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp là của mình, ông T và gia đình thì cho rằng 8,36 m2 đất trống là của các cụ cho ông T).

- Cả ông T cùng thành viên gia đình và bà H7 cùng thành viên gia đình đều xác nhận cụ H5 và cụ Q không còn di sản nào khác;

- Về bản di chúc của cụ H5 có tiêu đề "Đơn đề nghị" ngày 15/01/2000 và có xác nhận của chính quyền địa phương ngày 29/01/2000, cả ông T cùng thành viên gia đình và bà H7 cùng thành viên gia đình đều thừa nhận là đúng và đều không có ý kiến gì;

- Bà H7 xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: yêu cầu ông T trả lại cho vợ chồng bà khoảng 70m^2 đất (theo định giá là 72,6m^2) hiện đang tranh chấp trong vụ án; ông T cùng thành viên gia đình không có ý kiến gì về việc này;

- Cả ông T cùng thành viên gia đình và bà H7 cùng thành viên gia đình đều xác nhận phần diện tích đất mà cụ H5 khi còn sống phân chia cho bà Lý Thị H2, sau này bà Lý Thị H2 không nhận đã trả lại cho cụ H5 và cụ Q;

- Về phần các công trình xây dựng trên thửa đất 35 trước đây gồm công trình phụ, giếng nước, chuồng lợn do cụ H5 cụ Q cùng các con xây dựng nên, đến sau

này ông T phá đi để xây dựng ngôi nhà như hiện nay, cả ông T cùng thành viên gia đình và bà H7 cùng thành viên gia đình đều không có ý kiến đề nghị gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 23/3/2023, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định: Áp dụng khoản 5, khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39; Điều 200; Điều 201; Điều 244; Điều 227, Điều 228; Điều 146, Điều 147; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959; Áp dụng các Điều 158, 166, 189, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 và 660 BLDS; Áp dụng Điều 166, Điều 170 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - đối với yêu cầu của bà Phạm Thị H đề nghị Tòa án tuyên hủy GCNQSD đất số BU 731348 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09, diện tích 77,5m^2 (diện tích đo thực tế là 72,6m^2) do UBND huyện Ứ cấp ngày 24/6/2014 cho ông Lý Đình T và yêu cầu khởi kiện buộc ông Lý Đình T trả lại cho vợ chồng bà toàn bộ diện tích thửa đất số 35 nêu trên.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của bà Phạm Thị H: Buộc ông Lý Đình T trả lại cho vợ chồng bà diện tích 8,36 m^2 khe đất trống nằm giữa hai thửa 35 và 36 (hiện nằm trong tổng diện tích thửa 36); công nhận toàn bộ diện tích thửa đất số 36, tờ bản đồ 09 địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Ứ, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ là 147,7m^2 (đo thực tế là 135m^2) thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông H1 bà H; GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số sêri BU 731276 đối với thửa đất số 36, tờ bản đồ số 9, diện tích đất 147,4m^2 được UBND huyện Ứ cấp cho ông Lý Đình H1 ngày 24/6/2014 có hiệu lực pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lý Đình T về việc tuyên hủy GCNQSDĐ đối với thửa 36 nêu trên.

4. Xác định thửa đất theo bản đồ địa chính VLAP, thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09, diện tích 77,5m^2 (theo đo thực tế là 72,6m^2) do UBND huyện Ứ cấp ngày 24/6/2014 cho ông Lý Đình T tại thôn X, xã Q, huyện Ứ, Thành phố Hà Nội là di sản thừa kế của cụ Lý Đình H5 và cụ Nguyễn Thị Q.

5. Xác định ông Lý Đình T - sinh năm 1953, ông Lý Đình H1 - sinh năm 1967, bà Lý Thị L - sinh năm 1961, bà Lý Thị H2 - sinh năm 1959, bà Lý Thị T3 - sinh năm 1964, bà Lý Thị T4 - sinh năm 1952 và bà Lý Thị H3 - sinh năm 1971 đều là những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất, nhưng do 05 bà L, T4, H2, T3

và H3 đều từ chối nhận di sản thừa kế được hưởng trong vụ án nên chỉ còn ông T và ông H1 được hưởng thừa kế của cụ Lý Đình H5 và cụ Nguyễn Thị Q có diện tích đất 77,5m^2 (đo hiện trạng có diện tích đất 72,6m^2).

6. Chia di sản thừa kế của cụ Lý Đình H5 và cụ Nguyễn Thị Q là thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09, diện tích 77,5m^2 (theo đo thực tế là 72,6m^2) do UBND huyện Ứ cấp ngày 24/6/2014 cho ông Lý Đình T tại thôn X, xã Q, huyện Ứ, Thành phố Hà Nội, cụ thể: Ông Lý Đình T được quyền sử dụng toàn bộ diện tích thửa đất số 35 nêu trên, do đó GCNQSDĐ đối với thửa đất số 35 nêu trên không bị hủy. Ông T có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Lý Đình H1 ½ giá trị di sản thừa kế là 1.686.498.000 đồng *(Một tỷ sáu trăm tám mươi sáu triệu bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/3/2023 ông H1 có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm: Đề nghị huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và được nhận diện tích đất thừa kế tương ứng ½ di sản thừa kế là 36,3m^2.

Ngày 5/4/2023 ông T có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm

Những người kháng cáo giữ nguyên kháng cáo. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập giữ nguyên ý kiến không xuất trình tài liệu chứng cứ mới.

Người bảo vệ quyền lợi ích cho bị đơn: Đề nghị Tòa án vẫn xác định thửa đất ông H1 được cấp giấy chứng nhận là di sản.

Trường hợp chia di sản, cụ thể ông T sử dụng thửa 35; ông H1 sử dụng thửa 36 và khe đất trống 8,36m^2; thì đề nghị Tòa án tính giá trị: Thửa đất số 35 có giá

trị 3.372.996.000 đồng *(Ba tỷ ba trăm bảy mươi hai triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng)*. Thửa đất số 36 có giá trị là 5.454.000.000 đồng *(Năm tỷ bốn trăm năm mươi tư triệu đồng)*. Ông H1 có trách nhiệm thanh toán lại cho ông Lý Đình T ½ giá trị khe đất trống là 168.872.000 đồng *(Một trăm sáu mươi tám triệu, tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng)*.

Đối trừ các nghĩa vụ thanh toán tiền chênh lệch giá trị tài sản thừa kế, theo đó đề nghị Tòa án buộc ông Lý Đình H1 có trách nhiệm thanh toán cho ông Lý Đình T như sau: (5.454.000.000 đồng - 3.372.996 đồng)/2 + 168.872.000 đồng = 1.209.374.000 đồng *(Một tỷ, hai trăm linh chín triệu, ba trăm bảy mươi tư nghìn đồng).*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo trong thời hạn luật định, hình thức nội dung đơn phù hợp, được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Những người kháng cáo tại phiên toà phúc thẩm không xuất trình thêm tài liệu chứng cứ mới. Căn cứ vào quá trình tranh tụng tại phiên toà, Toà án cấp sơ thẩm đã quyết định các vấn đề của vụ án là có căn cứ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, nghe lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án tranh chấp di sản thừa kế và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì vậy Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp quy định tại Điều 26, Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng một số đương sự vắng mặt. Căn cứ Điều 296 BLTTDS Tòa án xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét kháng cáo của các đương sự: người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập kháng cáo một phần bản án, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án, Hội đồng xét xử xem xét toàn bộ quyết định của bản án sơ thẩm:

Các yêu cầu của đương sự liên quan đến thửa đất số 35 đã cấp GCNQSDĐ cho ông T và thửa số 36 đã cấp GCNQSDĐ cho ông H1 và diện tích đất 8,36m^2 giữa hai thửa đất.

[3.1] Về nguồn gốc các thửa đất và diễn biến việc đứng tên trên giấy chứng nhận: Năm 1992, các thửa đất trên đều thuộc thửa 523, tờ bản đồ số 8, diện tích 220m^2, đứng tên trong sổ mục kê và bản đồ quản lý của xã là cụ Lý Đình H5, chưa được cấp GCNQSDĐ. Năm 2002, các thửa đất trên đều thuộc thửa số 48, tờ bản đồ số 3, diện tích 218,6m^2, đứng tên trong sổ mục kê và bản đồ quản lý của xã là ông Lý Đình H1, chưa được cấp GCNQSDĐ. Năm 2014, thửa đất số 48 nêu trên được tách thành 02 thửa số 35 và 36, được cấp GCNQSDĐ đứng tên ông Lý Đình T và Lý Đình H1 như đã nêu trên.

Mặc dù năm 1992 các thửa đất chỉ đứng tên cụ Lý Đình H5 nhưng các đương sự đều thống nhất, các thửa đất trên đều có nguồn gốc là của hai cụ H5 và cụ Q bố mẹ ông T, ông H1.

[3.2] Việc xác định các vấn đề liên quan đến thừa kế:

Về diện và hàng thừa kế: cấp sơ thẩm đã xác định đúng và đầy đủ.

Trong những người thừa kế có bà Lý Thị L, bà Lý Thị H2, bà Lý Thị T4, bà Lý Thị T3 và bà Lý Thị H3 từ chối nhận di sản. Chỉ còn lại 2 người vẫn đề nghị nhận di sản là ông Lý Đình T, ông Lý Đình H1.

Về xác định di sản thừa kế:

Ngày 29/01/2000, cụ H5 có viết Giấy tờ tặng cho đất có tiêu đề "Đơn đề nghị" với nội dung cho bà Lý Thị H2 phần đất theo dọc đường 22 (nay là 21B) là 5m mặt đường chạy dài hết đất, trong bản đồ còn lại là bao nhiêu thì cho nốt ông Lý Đình H1. "Đơn đề nghị" trên cụ H5 tự viết ngày 15/01/2000, có chữ ký "Qui" của cụ Q phía dưới chữ ký của cụ Lý Đình H5, đồng thời có xác nhận của cán bộ địa chính xã và xác nhận của Chủ tịch UBND xã Q.

Về "Đơn đề nghị" này, ông T cùng vợ con ông T, vợ chồng bà H ông H1 cùng các con và 05 con gái còn lại của vợ chồng cụ H5 cụ Q đều xác nhận tính xác thực, nội dung đơn là đúng và đều tôn trọng nội dung giấy phân chia này. Theo đó, ông T cùng vợ con ông T đều thừa nhận phần diện tích thửa đất số 36 nêu trên (trừ phần diện tích 8,36m^2 là đất trống nằm giữa thửa 35 và 36) thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông H1 bà H. Vợ chồng ông H1 bà H đã bán lại hay cho thuê lại cho vợ chồng ông B4 bà D, gia đình ông T đều không có ý kiến gì. Do đó phần diện tích đất này không còn là di sản thừa kế.

Về phần diện tích đất bà H2 được vợ chồng cụ H5 và cụ Q chia cho theo "Đơn đề nghị" nêu trên, ông T cùng vợ con và bà H cùng chồng con, cùng với 05 con gái của cụ H5 và cụ Q đều xác nhận sau này do không có nhu cầu sử dụng nên bà H2 đã trả lại cho vợ chồng cụ H5 và cụ Q. Do đó phần diện tích đất này được xác định vẫn là tài sản chung của vợ chồng cụ H5 và cụ Q khi còn sống và phần đất này chính là thửa đất số 35 nêu trên.

Về "Giấy phân chia đất" (bút lục 253) ngày 27/8/2005 của cụ Q do ông T xuất trình có nội dung *"chia khổ đất 215m^2 phía Tây giáp đường 22 là 15,50m; phía Nam là 14m; phía Đông là 15,50m; phía Bắc là 14m; Nay bà phân chia quyền sử dụng cho hai con: ông Lý Đình H1 phía Tây mặt đường B là 10m, ..., ông Lý Đình T phía Tây mặt đường là 5,50m…"*; Giấy phân chia đất có điểm chỉ tay của cụ Q, có sự chứng kiến và chữ ký của ông Lý Đình T, Lý Đình H1, Lý Thị H2 và Lý Đình B3 - là em con nhà chú ruột ông T làm chứng. Ông T cho rằng "Giấy phân chia đất" nêu trên chính là di chúc của cụ Q phân chia phần diện tích thửa đất 35 cho ông được toàn quyền sử dụng.

Xét tính hợp pháp của "Giấy phân chia đất" của cụ Q: giấy này không được coi là biên bản thoả thuận của các thừa kế của cụ H5 vì không có đầy đủ ý kiến của các thừa kế. Cũng không thể coi đây là di chúc vì không đảm bảo các điều kiện theo Điều 656, Điều 657, Điều 659 BLDS 1995. Do đó việc định đoạt các thửa đất theo "Giấy phân chia đất" của cụ Q là không hợp pháp.

Mặt khác các con của cụ H5 và cụ Q đã công nhận nội dung của "Đơn đề nghị" do cụ H5 cụ Q chia đất năm 2000. Trong nội dung "Đơn đề nghị" sau khi trừ đi phần diện tích đất cho bà H2 có mặt tiền là 5 m thì toàn bộ diện tích còn lại cho ông H1. Vì vậy, phần diện tích thửa đất 36 (bao gồm khoảng đất trống có diện tích 8,36m^2 nằm giữa hai thửa 35 và 36) đã thuộc quyền sử dụng của ông Lý Đình H1 từ ngày 29/01/2000. Do đó, di sản còn lại của cụ H5 và cụ Q là thửa đất số 35 (Bà H2 trả lại cho các cụ) có mặt giáp đường quốc lộ 21B là 5m và chạy dọc hết chiều dài thửa đất; đo vẽ thực tế là 72,6m^2.

Toà án cấp sơ thẩm xác định toàn bộ diện tích thửa đất 35 nêu trên được xác định là di sản thừa kế của cụ H5 và cụ Q để lại không có di chúc là có căn cứ.

[3.3] Xét quyết định của Toà án cấp sơ thẩm với yêu cầu của bà H:

Bà H khởi kiện yêu cầu bị đơn: - Chấm dứt hành vi lấn chiếm quyền sử dụng đất đối với 70m^2 tại Thôn X, xã Q, huyện Ứ, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn và gia đình. Buộc bị đơn phá dỡ toàn bộ công

trình xây dựng, di dời toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng, tạo lập trái phép trên diện tích đất nêu trên, trả lại hiện trạng ban đầu và quyền sử dụng đất nêu trên của nguyên đơn. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T - Đề nghị ông T và gia đình trả lại cho vợ chồng bà khe đất trống nằm giữa hai thửa 35 và 36; công nhận toàn bộ diện tích thửa đất số 36, tờ bản đồ 09 địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Ứ, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ là 147,7m^2 (đo thực tế là 135m^2) thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông H1 bà H.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm bà H đã tự nguyện rút yêu cầu ông T chấm dứt hành vi lấn chiếm quyền sử dụng đất đối với 74,6m^2 tại Thôn X, xã Q, huyện Ứ, thành phố Hà Nội thuộc quyền sử dụng hợp pháp của nguyên đơn và gia đình. Buộc bị đơn phá dỡ toàn bộ công trình xây dựng, di dời toàn bộ tài sản gắn liền với đất được xây dựng, tạo lập trái phép trên diện tích đất nêu trên, trả lại hiện trạng ban đầu và quyền sử dụng đất nêu trên của nguyên đơn. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T. Các đương sự trong vụ án không có ý kiến gì khác. Toà án cấp sơ thẩm đình chỉ xét xử đối với các yêu cầu khởi kiện này của bà H là có căn cứ.

Đối với yêu cầu buộc ông Lý Đình T trả lại cho vợ chồng bà diện tích 8,36m^2 khe đất trống nằm giữa hai thửa 35 và 36 (hiện nằm trong tổng diện tích thửa 36); công nhận toàn bộ diện tích thửa đất số 36, tờ bản đồ 09 địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Ứ, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ là 147,7m^2 (đo thực tế là 135m^2) thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông H1 bà H:

Như đã phân tích tại mục [3.2], khe đất trống 8,36m^2 đã được các cụ cho ông H1 từ năm 2000, ông H1 đã được cấp giấy chứng nhận. Nên Tòa án cấp sơ thẩm có căn cứ khi: buộc ông Lý Đình T trả lại cho vợ chồng bà diện tích 8,36m^2 khe đất trống nằm giữa hai thửa 35 và 36 (hiện nằm trong tổng diện tích thửa 36); công nhận toàn bộ diện tích thửa đất số 36, tờ bản đồ 09 địa chỉ: thôn X, xã Q, huyện Ứ, thành phố Hà Nội theo GCNQSDĐ số BU 731276 đã cấp là 147,7m^2 (đo thực tế là 135m^2) thuộc quyền sử dụng của vợ chồng ông H1 bà H.

[3.4] Xét quyết định của Toà án cấp sơ thẩm về yêu cầu của ông T:

Ông T đề nghị tuyên huỷ GCNQSDĐ cấp cho ông H1 và trả lại 8,36m^2 đất trống.

Vì đã xác định ông H1 được quyền sử dụng thửa đất số 36 (bao gồm cả khoảng đất trống 8,36m^2), ông H1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng trình tự thủ tục. Nên Toà án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu

của ông T về việc đòi lại 8,36m^2 khoảng đất trống và huỷ giấy chứng nhận đã cấp cho ông H1 là có căn cứ.

[3.5] Xét quyết định của Toà án cấp sơ thẩm về yêu cầu của ông H1 và kháng cáo của ông H1:

Ông H1 có yêu cầu độc lập: Đề nghị chia di sản thừa kế của bố mẹ với thửa đất số 35 ông T đã được cấp GCNQSDĐ. Ông H1 kháng cáo đề nghị được nhận diện tích đất thừa kế tương ứng ½ di sản thừa kế là 36,3m^2.

Như trên đã nêu, di sản của các cụ là thửa đất số 35. Chỉ có ông T và ông H1 đề nghị nhận di sản, các thừa kế khác từ chối. Thực tế ông T đã xây nhà trên thửa đất số 35, đang sử dụng, nên ông T được nhận hiện vật. Ông H1 không còn sinh sống tại địa phương nên được nhận 1.686.498.000 đồng *(Một tỷ sáu trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm chín mươi tám nghìn đồng)*, bằng giá trị tiền là phù hợp. Hơn nữa theo Quyết định 20/2017/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân Thành phố H, diện tích tối thiểu để tách thửa tại xã Q Cầu là 40m^2, có chiều rộng mặt tiền và chiều sâu so với chỉ giới xây dựng ≥ 3m. Nếu chấp nhận yêu cầu của ông H1 thì không đảm bảo theo Quyết định này.

Nên Toà án cấp sơ thẩm có căn cứ khi chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lý Đình H1 về việc chia di sản thừa kế, và tại cấp phúc thẩm xét thấy cũng cần bác kháng cáo của ông H1 về việc đề nghị chia di sản bằng hiện vật.

[3.6] Xét các quyết định khác của Toà án cấp sơ thẩm:

Các vấn đề khác HĐXX sơ thẩm quyết định có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[4] Từ những nhận định nêu trên, Toà án cấp phúc thẩm xét thấy cần cấp nhận đề nghị của V đại diện Viện kiểm sát, bác kháng cáo của những người kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông H1 phải chịu án phí. Tuy kháng cáo không được chấp nhận nhưng ông T là người già nên được miễn án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2023/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2]. Về án phí: Ông H1 phải nộp án phí phúc thẩm, ghi nhận ông H1 đã nộp đủ tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01625 ngày 14/4/2023 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Ông T được miễn án phí phúc thẩm.

[3]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ).
- Lưu HS, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Mạnh Tiến